| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH ĐỒNG THÁP** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 194/2020/DS-PT
Ngày: 16-7-2020
V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất.

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Trần Phước Hội

*Các Thẩm phán*: Ông Nguyễn Văn Vững

Bà Nguyễn Thị Vĩnh

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Huỳnh Thanh Hòa – Thẩm phán sơ cấp, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Bạch Nga - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 11, 19/5, ngày 23/6, ngày 16/7/2020, tại Trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 36/2020/TLPT- DS ngày 31 tháng 01 năm 2020 về việc tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 94/2019/DS-ST ngày 13/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện LV, tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2020/QĐPT-DS ngày 02 tháng 3 năm 2020 giữa:

1. *Nguyên đơn*: Nguyễn Ngọc M, sinh năm: 1977.

Địa chỉ: Số 09A, ấp An Thái, xã Mỹ An Hưng A, huyện LV, Đồng Tháp.

- Người đại diện theo ủy quyền của ông Ngọc M ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm: 1973; Địa chỉ: Số 78, ấp Vĩnh Phú, xã Bình T, huyện LV (theo văn bản ủy quyền ngày 18/4/2017) (có mặt).

2. *Bị đơn*: Nguyễn Văn H, sinh năm: 1956.

Địa chỉ: Số 341A, ấp An Thuận, xã Mỹ An Hưng B, huyện LV.

- Người đại diện theo ủy quyền của ông H là chị Nguyễn Thị T1, sinh năm 1986; địa chỉ: Số 187, khóm Bình Thạnh 2, thị trấn LV, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp (theo văn bản ủy quyền ngày 16/12/2019 ) (có mặt).

*3. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Bà Nguyễn Thị Đ1, sinh năm 1980.

3.2. Chị Nguyễn Ngọc K, sinh năm 2000.

3.3. Em Nguyễn Ngọc K1, sinh năm 2004.

Cùng địa chỉ: Số 09A, ấp An Thái, xã Mỹ An Hưng A, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp.

- Người đại diện theo ủy quyền của chị Nguyễn Ngọc K và người giám hộ của em Nguyễn Ngọc K1 là: Bà Nguyễn Thị Đ1.

3.4. Bà Phan Thị H1, sinh năm 1958.

3.5. Chị Nguyễn Thị Hoàng A, sinh năm 1981.

3.6. Chị Nguyễn Hoàng Y, sinh năm 1997.

3.7. Em Tạ Hoàng N, sinh năm 2003.

Cùng địa chỉ: 341A, ấp An Thuận, xã Mỹ An Hưng B, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp.

- Người giám hộ của em Tạ Hoàng N là chị Nguyễn Thị Hoàng A, sinh năm 1981; địa chỉ: 341A, ấp An Thuận, xã Mỹ An Hưng B, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp.

- Người đại diện theo ủy quyền của bà H1, chị Hoàng A, chị Y là chị Nguyễn Thị T1, sinh năm 1986; địa chỉ: Khóm Bình Thạnh 2, thị trấn LV, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp (theo văn bản ủy quyền ngày 16/12/2019 ).

3.8. Ủy ban nhân dân huyện LV, tỉnh Đồng Tháp (có đơn xin vắng mặt).

- *Người đại diện theo pháp luật*: Ông Đặng Hữu T2, Chức vụ: Chủ tịch UBND Huyện; địa chỉ: Quốc lộ 80, khóm Bình Thạnh 1, thị trấn LV, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp.

4. *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Ngọc M là nguyên đơn và bà Nguyễn Thị Đ1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Anh Nguyễn Văn Đ là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Nguyễn Ngọc M trình bày:

Nguồn gốc đất tranh chấp là của ông M nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ ông H năm 2003, diện tích đất thổ, đất vườn là 952m$^2$ thuộc thửa 17f, 17d, tờ bản đồ 05a, đất tọa lạc ấp An Thuận, xã Mỹ An Hưng B, huyện LV.

Năm 2005, UBND huyện LV tiến hành quy hoạch mở rộng Khu dân cư chợ Đất Sét. Nhà nước thu hồi toàn bộ thửa 17f và một phần thửa 17d. Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư Huyện đến lập biên bản thu hồi theo Quyết định số 1664/QĐ.UBND.NĐ ngày 29/11/2007 của UBND huyện LV, theo Quyết định thu hồi thì gia đình ông M bị thu hồi diện tích 300m$^2$ đất thổ thuộc thửa 17f và thu hồi diện tích 543,9m$^2$ thuộc thửa 17d, tờ bản đồ số 5a, tổng cộng diện tích thu hồi 843,9m$^2$ và Quyết định số 2200/QĐ-UBND-HC ngày 12/12/2008 của UBND Tỉnh về việc phê duyệt phương án bồi thường điều chỉnh, bổ sung dự án mở rộng Khu dân cư chợ Đất Sét, thu hồi bổ sung diện tích 56,3m$^2$, tổng diện tích thu hồi thửa 17d và 17f của ông M là 900,2m$^2$.

Đến năm 2008, gia đình ông M đã nhận xong tiền bồi thường, hỗ trợ của Nhà nước. Sau khi Nhà nước thu hồi, ông M đã chuyển nhượng đất ở ấp An Thái, xã Mỹ An Hưng A, ông M xây dựng nhà và di dời về ở. Phần diện tích thu hồi này của ông M còn lại sau khi thu hồi 108,1m$^2$ thuộc thửa 17d, tờ bản đồ số 05, đất tọa lạc xã Mỹ An Hưng B, huyện LV.

Hiện nay ông H đang bao chiếm sử dụng và ông H đã đăng ký kê khai và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất toàn bộ số đất trên. Ông M đã nhiều lần đến để yêu cầu ông H trả lại diện tích này nhưng ông H không đồng ý.

Nay anh Đ là người đại diện theo ủy quyền của ông M yêu cầu ông Nguyễn Văn H, bà Phan Thị H1, chị Nguyễn Thị Hoàng A, chị Nguyễn Hoàng Y, chị Tạ Hoàng N trả lại diện tích theo đo đạc thực tế là 76,4m$^2$ (Tính từ mốc M3, M4, M6, M8, M9 trở về mốc M3 và từ mốc M6, M7, M8 trở về mốc M6) thuộc một phần thửa 424, tờ bản đồ số 33, do ông H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đất tọa lạc xã Mỹ An Hưng B, huyện LV.

- Chị Nguyễn Thị T1 là người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn Nguyễn Văn H, (đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phan Thị H1, Nguyễn Thị Hoàng A, Nguyễn Hoàng Y và Tạ Hoàng N) trình bày:

Nguồn gốc đất tranh chấp giữa ông M và ông H, có nguồn gốc là ông H chuyển nhượng đất cho ông M vào năm 2003, diện tích đất thổ, đất vườn là 952m$^2$ thuộc thửa 17f, 17d, tờ bản đồ 05a, đất tọa lạc ấp An Thuận, xã Mỹ An Hưng B, huyện LV.

Năm 2005, UBND huyện LV tiến hành quy hoạch mở rộng Khu dân cư chợ Đất Sét. Nhà nước thu hồi đất của ông H diện tích 240,6m$^2$, sau đó điều chỉnh diện tích bị thu hồi 13 hộ, trong đó có hộ ông H, diện tích thu hồi giảm 52,4m$^2$ còn 188,2m$^2$, thửa số 424, tờ bản đồ 23, đất tọa lạc ấp An Thuận, xã Mỹ An Hưng B, huyện LV. Sau khi nhà nước thu hồi, diện tích còn lại 1.736,2m$^2$.

Đến năm 2015, ông H cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo bản đồ chính quy thì diện tích còn lại thực tế là 895,8m$^2$, diện tích cấp đổi giảm 1.028,6m$^2$ so với diện tích ông H được cấp ban đầu. Sau khi cấp đổi thì ông H đã

xây dựng nhà, chuồng chăn nuôi, ông H sử dụng đất ổn định không có chiếm đất ông M.

Nay chị T1 là đại diện theo uỷ quyền của ông Nguyễn Văn H, bà Phan Thị H1, chị Nguyễn Thị Hoàng A, chị Nguyễn Hoàng Y không đồng ý trả lại đất cho ông M diện tích 76,4m$^2$ (tính từ mốc M3, M4, M6, M8, M9 trở về mốc M3 và từ mốc M6, M7, M8 trở về mốc M6) thuộc thửa 424, tờ bản đồ số 33, do ông H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đất tọa lạc xã Mỹ An Hưng B, huyện LV. Vì phần diện tích thuộc thửa 17f, 17d đã chuyển nhượng cho ông M và phần đất ông M đã bị thu hồi hết diện tích.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Đ1 (đồng thời là người đại diện ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Ngọc K) trình bày: Thống nhất theo lời trình bày của anh Đ, không có ý kiến khác.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện LV*:* Ông Đặng Hữu T2 là người đại diện theo pháp luật có đơn xin vắng mặt.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 94/2019/DS-ST ngày 13/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện LV đã quyết định:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông M yêu cầu hộ ông H gồm: Ông H, bà H1, chị Hoàng A, chị Hoàng Y và chị Hoàng N trả lại diện tích đất 76,4m$^2$, trong phạm vi các mốc M3, M4, M6, M8, M9 trở về mốc M3 và từ M6, M7, M8 trở về mốc M6.

Hộ ông H được tiếp tục sử dụng diện tích đất 76,4m$^2$, thuộc phần phần thửa 424, tờ bản đồ số 33, trong phạm vi các mốc M3, M4, M6, M8, M9 trở về mốc M3 và từ M6, M7, M8 trở về mốc M6, do hộ ông H và bà H1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đất tọa lạc ấp An Thuận, xã Mỹ An Hưng B, huyện LV.

(Kèm theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 18/7/2019 và Sơ đồ đo đạc phần đất tranh chấp ngày 24/7/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện LV).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông M nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo lai thu số 16470 ngày 22/6/2017, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện LV.

3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản:

Ông M phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ số tiền 2.319.000 đồng và đã chi xong. Hộ ông H chịu 500.000 đồng chi phí định giá tài sản và đã chi xong.

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo và thời hạn theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 28/11/2019, ông M, bà Đ1 có đơn

kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đồng thời, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết phần án phí, chi phí đo đạc theo quy định của pháp luật.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông M, bà Đ1 vẫn giữ yêu cầu kháng cáo.

- Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

+ Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử cũng như các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận đơn kháng cáo của ông M, bà Đ1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi án sơ thẩm xử, ông M, bà Đ1 có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm. Xét yêu cầu kháng cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Nguồn gốc phần đất đang tranh chấp là của ông H. Vào ngày 17/10/1992, ông H được UBND huyện Thạnh H2 (nay là huyện LV) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thửa 18c, 18e, 17f, 17d, tổng diện tích 3.117m$^2$, thuộc tờ bản đồ số 05a. Đến năm 1999, thì hộ ông H chuyển nhượng hết hai thửa đất số 17f, 17d cho hộ ông M tổng diện tích 952m$^2$ (trong đó thửa 17f diện tích 312m$^2$ đất ở nông thôn 300m$^2$, đất trồng cây lâu năm 12m$^2$; thửa 17d diện tích 640m$^2$ đất cây lâu năm), việc chuyển nhượng hai bên không có đo đạc xác định vị trí cụ thể, chỉ thỏa thuận chuyển nhượng hết hai thửa đất trên theo giấy tờ. Đến ngày 23/4/2003, hộ ông H làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông M hết diện tích hai thửa 17f, 17d, là 952m$^2$, thuộc tờ bản đố số 5a. Ngày 21/05/2003, hộ ông M được UBND huyện LV cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cũng hết hai thửa 17f, 17d, diện tích 952m$^2$, tờ bản đồ số 5a (chuyển tên từ quyền sử dụng đất của ông H sang tên cho hộ ông M) và hộ ông M đã cất nhà ở trên đất.

Năm 2005, UBND huyện LV tiến hành quy hoạch mở rộng Khu dân cư Chợ Đất Sét. Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư Huyện đến lập biên bản thu hồi theo Quyết định số 1664/QĐ.UBND.NĐ ngày 29/11/2007 của UBND huyện LV, theo Quyết định thì hộ ông M bị thu hồi diện tích 300m$^2$ đất thổ thuộc thửa 17f và thu hồi diện tích 543,9m$^2$ thuộc một phần thửa 17d, tờ bản đồ số 5a, diện tích bị thu hồi 843,9m$^2$ và Quyết định số 2200/QĐ-UBND-HC ngày 12/12/2008 của UBND tỉnh Đồng Tháp về việc phê duyệt phương án bồi thường điều chỉnh, bổ sung dự án mở rộng Khu dân cư Chợ Đất Sét và đã thu hồi bổ sung diện tích 56,3m$^2$ của ông M, tổng diện tích thu hồi là 900,2m$^2$ thuộc thửa

17f và một phần thửa 17d. Theo Quyết định điều chỉnh Quyết định 1664/QĐ-UBND-NĐ ngày 10/9/2008 của Ủy ban huyện LV lý do điều chỉnh thu hồi đất của ông M là do diện tích thay đổi do xác định lại ranh giới đo đạc nên Ủy ban mới thu hồi bổ sung thêm phần diện tích còn lại 56,3m$^2$. Đến năm 2008, gia đình ông M đã nhận xong tiền bồi thường, hỗ trợ của Nhà nước. Sau khi Nhà nước thu hồi năm 2008, ông M cũng đã chuyển nhượng phần đất khác và đã xây dựng nhà ở tại ấp An Thái, Mỹ An Hưng A, huyện LV và di dời về sinh sống cho đến nay. Việc ông M cho rằng phần đất tranh chấp diện tích là 76,4m$^2$, thuộc một phần thửa số 424, tờ bản đồ số 33, do hộ ông H và bà H1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp đổi vào ngày 10/8/2015 là đã cấp bao trùm lên phần đất diện tích còn lại của ông sau khi bị thu hồi.

[2] Theo Công văn số 46/UBND-NC ngày 14/3/2018 của UBND huyện LV xác định: Ngày 21/5/2003, ông M được Ủy ban huyện LV cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với tổng diện tích 952m$^2$ (Trong đó thửa 17f, diện tích 312m$^2$, gồm đất ở nông thôn 300m$^2$ và đất trồng cây lâu năm 12m$^2$; thửa đất số 17d, diện tích 640m$^2$, mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm). Nguồn gốc đất trước đây là của ông H chuyển nhượng lại cho ông M hết diện tích đã cấp tại thửa đất 17f, 17d, tờ bản đồ số 5a theo bản đồ 299, không có đo đạc thực tế tại vị trí thửa đất, do đó không biết diện tích thực tế ông M đang sử dụng bao nhiêu và theo Công băn số 165/UBND-NC ngày 08/11/2019 của Ủy ban huyện Lấp Vò xác định: Hộ ông H làm thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản đồ 299 từ thửa đất số 18c, 18e, tờ bản đồ số 05a, diện tích 1.924,4m$^2$, sang bản đồ địa chính chính quy thuộc thửa đất số 424, tờ bản đồ số 33, diện tích thực tế chỉ còn lại 895,8m$^2$, diện tích cấp đổi bị giảm 1.028,6m$^2$ so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà ông H được cấp lần đầu vào năm 2003 và theo Công văn số 98/UBND-NC ngày 09/6/2020 của UBND huyện LV xác định: Ngày 14/9/2015, ông Nguyễn Văn H được UBND huyện Lấp Vò cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (cấp đổi theo bản đồ địa chính chính quy) với diện tích 895,5m$^2$, thuộc thửa 424, tờ bản đồ số 33 (thửa cũ trước khi cấp đổi theo bản đồ 299 là thửa 18c, 18e, theo bản đồ 299 thửa đất 18c, 18e tiếp giáp với thửa 17f, 17d của ông Nguyễn Ngọc M), nhưng theo hồ sơ cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn H, có bản mô tả ranh giới thửa đất 424, tờ bản đồ số 33, tứ cận tiếp giáp đất ông Huỳnh Văn Đ2, bà Lê Thị Huỳnh M1, giáp đường đal, giáp đất khu dân cư.

Như vậy, việc ông M, bà Đ1 yêu cầu hộ ông H trả lại quyền sử dụng đất diện tích còn lại sau khi bị thu hồi thuộc một phần thửa 424, tờ bản đồ số 33 do hộ ông H, bà H1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không có căn cứ chấp nhận. Bởi vì, khi gia đình ông M bị thu hồi đất, gia đình ông cũng không biết diện tích ông còn lại bao nhiêu vị trí đất của ông nằm ở đâu, tiếp giáp với đất của ai và khi hộ ông H làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông M hai bên cũng thống nhất là chuyển nhượng hết hai thửa, không có khảo sát, không có xuống đo đạc thực tế chỉ chuyển nhượng trên mặt giấy tờ nên không biết diện tích thực tế đang sử dụng là bao nhiêu và khi ông H làm thủ

tục cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ bản đồ 299 thuộc thửa 18c,18e tờ bản đồ số 05a, diện tích 1.924,4m$^2$ sang bản đồ địa chính chính quy thuộc thửa 424, tờ bản đồ số 33 diện tích bị giảm xuống chỉ còn lại 895,8m$^2$, diện tích đất ông H cấp đổi bị mất 1.028,6m$^2$, và tại phiên tòa ông M, bà Đ1 cũng không xác định được vị trí thửa đất của ông còn lại nằm ở vị trí nào và nằm ở đâu, tiếp giáp với đất của ai như thế nào và bà Đ1 cho rằng khi phần đất của gia đình bà trúng vào quy hoạch mở rộng khu dân cư chợ Đất Sét thì hai nhà của ông M và ông H xác vách nhau không còn khoảng trống nào hết. Từ đó cho thấy khi có Quyết định 1664/QĐ-UBND-NĐ ngày 10/9/2008 của Ủy ban huyện LV v/v điều chỉnh thu hồi bổ sung phần đất của ông M là do xác định lại ranh giới đo đạc nên Ủy ban mới thu hồi bổ sung thêm phần diện tích còn lại của ông M là 56,3m$^2$ và từ năm 2008 sau khi gia đình ông M nhận tiền bồi hoàn, gia đình ông cũng không có khiếu nại hay tranh chấp gì đối với diện tích đất còn lại sau khi bị thu hồi.

[3] Đối với việc thu hồi đất của Cơ quan có thẩm quyền trong Quyết định chỉ nêu diện tích cụ thể từng thửa đất, có đo đạc cụ thể để xác định diện tích đất cũng như vị trí thu hồi đất của ông M giáp thửa đất với ai, nhưng theo lời khai của những người làm chứng trình bày: Khi Nhà nước thu hồi đất để làm dự án mở rộng Khu dân cư Chợ Đất Sét, thì nhà ông M với nhà ông H sát vách nhau, sau khi trúng quy hoạch nhà ông H, nhà ông M cũng dỡ đi không còn, sau khi Nhà nước bồi thường, hỗ trợ tái định cư xong thì gia đình ông M cũng mua phần đất khác để cất nhà ở tại ấp An Thái, xã Mỹ An Hưng A ở cho đến nay, phần đất tranh chấp tại thửa 424 (thửa mới) thửa cũ là thửa 18c.18e sau khi ông H làm thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ bản đồ 299 mục đích sử dụng đất ONT+CLN sang bản đồ địa chính chính quy ông H đã cất nhà sử dụng ổn định. Phần diện tích đất này không nằm trên phần đất mà Nhà nước đã thu hồi.

[3] Từ những phân tích trên, xét yêu cầu kháng cáo của ông M, bà Đ1 là không có căn cứ, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của ông M, bà Đ1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên ông M, bà Đ1 phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Tại phiên tòa Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận đơn kháng cáo của ông M, bà Đ1, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Xét đề nghị của kiểm sát viên là phù hợp, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Các phần khác không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308; Khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự

2015; Điều 100; Điều 105; Điều 106; Điều 166; Điều 170; Điều 179; Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 473; Điều 166; Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị Đ1.

2. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 94/2019/DSST ngày 13 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện LV.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông M yêu cầu hộ ông H gồm: Ông H, bà H1, chị Hoàng A, chị Hoàng Y và chị Hoàng N trả lại diện tích đất 76,4m$^2$, trong phạm vi các mốc M3, M4, M6, M8, M9 trở về mốc M3 và từ M6, M7, M8 trở về mốc M6.

Hộ ông H được tiếp tục sử dụng diện tích đất 76,4m$^2$, thuộc phần phần thửa 424, tờ bản đồ số 33, trong phạm vi các mốc M3, M4, M6, M8, M9 trở về mốc M3 và từ M6, M7, M8 trở về mốc M6, do hộ ông H và bà Hồng đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đất tọa lạc ấp An Thuận, xã Mỹ An Hưng B, huyện LV.

(Kèm theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 18/7/2019 và Sơ đồ đo đạc phần đất tranh chấp ngày 24/7/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện LV).

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông M nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo lai thu số 16470 ngày 22/6/2017, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện LV, ông M đã nộp xong.

5. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản:

Ông M phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ số tiền 2.319.000đ và ông đã chi xong. Hộ ông H chịu 500.000đ chi phí định giá tài sản và ông đã chi xong.

6. Về án phí phúc thẩm:

Ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị Đ1 phải chịu 300.000đ tiền án phí phúc thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí kháng cáo theo biên lai thu số 0008954 ngày 29/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện LV (ông M, bà Đ đã nộp xong án phí phúc thẩm).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7,

7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện LV;
- TAND huyện LV;
- Phòng KTNV- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**Trần Phước Hội**